TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày: 01 - 8 - 2018
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:130/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:40/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng V;

Địa chỉ: Số 35, H, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn C, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch thị xã N; cư trú tại số 3-5, đường Nguyễn Huệ, khóm H, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 11 năm 2017), có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, vắng mặt;

2. Vương Thị L (vợ ông T), sinh năm 1969, có mặt;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 277, đường L, khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị Mỹ H1 (con ông T và bà L), sinh năm 1997, vắng mặt;

2. Nguyễn Thị Mỹ H2 (con ông T và bà L), sinh năm 2000, vắng mặt;

3. Nguyễn Tấn P (con ông T và bà L), sinh năm 2009;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 277, đường L, khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Tấn P: Bà Vương Thị L và ông Nguyễn Văn T; cư trú tại Số 277, đường L, khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo pháp luật, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn C trình bày: Năm 2013, ông Nguyễn Văn T đã ký kết 03 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng giao dịch thị xã N (gọi tắt là Ngân hàng) vay tổng số tiền là 800.000.000đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013 vay 400.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất: Thả nổi, mục đích vay: Tiêu dùng (sửa nhà);

Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 28 tháng 5 năm 2013 vay 150.000.000đồng, thời hạn vay 10 tháng, lãi suất: 12%/năm, mục đích vay: Bổ sung vốn mua bán hột vịt, ấp vịt;

Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐ ngày 29 tháng 10 năm 2013 vay 250.000.000đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất: 11,5%/năm, mục đích vay: Bổ sung vốn mua bán hột vịt, ấp vịt.

Để vay tổng số tiền trên, gia đình ông Nguyễn Văn T đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 212/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013 như sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 396256 số vào sổ H 001794 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là Ủy ban nhân dân thị xã N) cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, diện tích 81m^2, thửa số 10, tờ bản đồ số 38, loại đất: Đất ở tại đô thị và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà cấp 3, số tầng: 3 tầng (01 trệt, 02 lầu), diện tích sàn 252m^2, năm xây dựng 2007, tọa lạc tại đường N, khu dân cư Đ, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 878702995300215 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là Ủy ban nhân dân thị xã N) cấp ngày 28/01/2008. Do hộ ông Nguyễn Văn T và bà Vương Thị L đứng tên;

Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích 121,5m^2, thửa số 776, tờ bản đồ số 14, loại đất: đất ở tại đô thị và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà cấp 4, số tầng: 2 tầng (01 trệt, 01 lầu), diện tích sàn 171,3m^2, năm xây dựng 2001, tọa lạc tại đường L, khóm H, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 878702995300356 do Ủy ban nhân dân huyện N (nay là Ủy ban nhân dân thị xã

N) cấp ngày 12 tháng 12 năm 2008. Do ông Nguyễn Văn T và bà Vương Thị L đứng tên.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 212/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 3 tỉnh Đồng Tháp vào ngày 23 tháng 5 năm 2013. Toàn bộ tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện N (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã N) vào ngày 23 tháng 5 năm 2013.

Đầu năm 2014, do cơ sở kinh doanh của ông Nguyễn Văn T không hiệu quả dẫn đến không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn các khoản vay trên vào các ngày:

Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ chuyển ngày 26 tháng 02 năm 2014 số tiền 350.000.000đồng;

Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ chuyển ngày 29 tháng 3 năm 2014 số tiền 150.000.000đồng;

Hợp đồng tín dụng số 03/2013/HĐ chuyển ngày 02 tháng 5 năm 2014 số tiền 250.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Văn C yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Vương Thị L, chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và chị Nguyễn Thị Mỹ H2 phải liên đới trả cho Ngân hàng V tiền vay còn thiếu gốc 716.000.000đồng và lãi 538.195.931đồng, tổng cộng 1.254.195.931đồng và tiếp tục chịu lãi theo 03 hợp đồng tín dụng số 01, 02 và 03 nêu trên; yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 212/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013.

Trong biên bản lấy lời khai của bà Vương Thị L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Vương Thị L trình bày: Trước đây, bà và chồng bà (T) có vay vốn tại Ngân hàng 02 lần với số tiền 400.000.000đồng, còn lần vay sau của chồng bà (T) thì bà không biết, nhưng bà cũng thống nhất trả cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền vay còn thiếu gốc 716.000.000đồng và lãi 538.195.931đồng, tổng cộng 1.254.195.931đồng và tiếp tục chịu lãi theo 03 hợp đồng tín dụng; đối với tài sản thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng là do vợ chồng bà tự tạo lập, nên bà cũng thống nhất xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 212/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng V theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà xin Ngân hàng xem xét bớt tiền lãi, vì hiện nay gia đình bà đang gặp khó khăn.

Bà L còn khai thêm: Toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng là do vợ chồng bà tự tạo lập, bà T không có công trong khối tài sản này, việc vay vốn của vợ chồng bà thì bà T không có được hưởng quyền lợi, bà T không có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng; bà T có chung sổ hộ khẩu gia đình với bà, nhưng sau đó bà T đã tách hộ ra riêng, không còn chung sổ hộ khẩu gia đình với bà nữa.

Trong đơn đề nghị vắng mặt của bà Vương Thị T trình bày: Trước đây, bà có đứng tên cùng hộ khẩu gia đình với bà Vương Thị L, nhưng năm 2017, bà đã cắt chuyển hộ khẩu, không còn chung hộ khẩu với bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng thủ tục tố tụng; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Các đương sự đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng V (viết tắt: Ngân hàng) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T, bà Vương Thị L, chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và chị Nguyễn Thị Mỹ H2 phải liên đới trả tiền vay còn thiếu gốc 716.000.000đồng và lãi 538.195.931đồng, tổng cộng 1.254.195.931đồng và tiếp tục chịu lãi theo 03 hợp đồng tín dụng số 01, 02 và 03; yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 212/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Chị Nguyễn Thị Mỹ H1, chị Nguyễn Thị Mỹ H2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng không yêu cầu bà Vương Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và tại phiên tòa, bà L khai: Việc vay vốn tại Ngân hàng do vợ chồng bà trực tiếp vay vốn và sử dụng toàn bộ số tiền vay, bà T không có sử dụng số tiền vay này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bà Vương Thị T không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên không đưa bà Vương Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Ông Nguyễn Văn T đã ký kết với Ngân hàng 03 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng thế chấp bất động sản nêu trên để vay tổng số tiền 800.000.000đồng. Việc ký kết vay tiền đã ghi địa chỉ nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nhưng sau đó, ông Nguyễn Văn T đã thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là ông Nguyễn Văn T cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Vương Thị L, chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và chị Nguyễn Thị Mỹ H2 phải liên đới trả tiền vay còn thiếu gốc và lãi quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào 03 Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013, số 02/2013/HĐ ngày 28 tháng 5 năm 2013 và số 03/2013/HĐ ngày 29 tháng 10 năm 2013 giữa Ngân hàng V – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng giao dịch thị xã N với ông Nguyễn Văn T tổng số tiền vay là 800.000.000đồng và thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 212/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013. Trong thời gian vay, vợ chồng ông T có trả cho Ngân hàng được tiền gốc 84.000.000đồng, còn nợ lại tiền gốc 716.000.000đồng và tiền lãi 538.195.931đồng, tổng cộng 1.254.195.931đồng và tiếp tục chịu lãi theo 03 hợp đồng tín dụng số 01, 02, 03 nêu trên.

[6] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 212/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013, giữa Ngân hàng V – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng giao dịch thị xã N với ông Nguyễn Văn T và bà Vương Thị L có công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã N) là phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, chị Vương Thị L cũng thống nhất xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 212/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013 nêu trên theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng V là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[8] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

[10] Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn T, bà Vương Thị L, chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và chị Nguyễn Thị Mỹ H2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.625.877đồng, lấy tròn 49.626.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 40, 277, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Vương Thị L, chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và chị Nguyễn Thị Mỹ H2 phải liên đới trả cho Ngân hàng V tiền vay còn thiếu gốc 716.000.000đồng và tiền lãi 538.195.931đồng, tổng cộng 1.254.195.931đồng *(Một tỷ hai trăm năm mươi bốn triệu một trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng)* và tiếp tục chịu lãi theo 03 hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013, số 02/2013/HĐ ngày 28 tháng 5 năm 2013 và số 03/2013/HĐ ngày 29 tháng 10 năm 2013 kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2018.

Công nhận hợp đồng thế chấp bất động sản số 212/2013/HĐ ngày 21 tháng 5 năm 2013, giữa Ngân hàng V – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng giao dịch thị xã N với ông Nguyễn Văn T và bà Vương Thị L; tài sản thế chấp sẽ được xử lý để bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng V 23.450.000đồng *(Hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Tô Văn H nộp thay) theo biên lai số:14180 ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn T, bà Vương Thị L, chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và chị Nguyễn Thị Mỹ H2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.626.000đồng *(Bốn mươi chín triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng)*.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 01 tháng 8 năm 2018). Đối với các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung